

Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý ngân sách nhà nước tại huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

Factors affecting the effectiveness of state budget management in Nam Can district, Ca Mau province

Lê Hoàng Anh¹, Trần Thanh Nhã²

¹Trường Đại học Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh

²Trường Đại học Bình Dương, Bình Dương

Tác giả liên hệ: Lê Hoàng Anh, Email: anhlh_vnc@buh.edu.vn

Tóm tắt: Ngân sách cấp huyện nằm trong hệ thống ngân sách nhà nước và cũng là công cụ tài chính quan trọng góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, không ít bất cập phát sinh trong quản lý ngân sách cấp huyện. Nghiên cứu này nhằm hướng đến việc xác định các nhân tố, mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến quản lý ngân sách hiệu quả, từ đó đưa ra được những giải pháp để quản lý ngân sách hiệu quả trên địa bàn huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Bằng các phương pháp đánh giá độ tin cậy của thang đo Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích hồi quy bội với mẫu 242 cán bộ lãnh đạo và công chức, cán bộ không chuyên trách cấp xã và cán bộ không chuyên trách cấp công tác thuộc lĩnh vực tài chính - ngân sách ở các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn, kết quả nghiên cứu cho thấy năng lực quản lý tài chính, Đối tượng quản lý, Hệ thống văn bản pháp luật, Thông tin và công nghệ thông tin, Tổ chức bộ máy quản lý ngân sách địa phương đều có tác động tích cực đến hiệu quả quản lý ngân sách tại huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Do đó, để nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách, chính quyền địa phương cần chú trọng nâng cao các nhân tố này.

Từ khóa: *Hiệu quả quản lý ngân sách; Huyện Năm Căn; Phân tích nhân tố khám phá*

Abstract: The district budget is part of the state budget system and is also an important financial instrument contributing to socio-economic development. However, there are still many problems in the commune budget management. This study aims to determine the factors and their influence on effective budget management, thereby providing solutions for effective budget management in Nam Can district, Ca Mau province. The study used methods such as: assessing the reliability of Cronbach's Alpha scale, exploratory factor analysis (EFA), multiple regression analysis with a sample of 242 leaders and civil servants, non-specialist officials. commune level and part-time hamlet officials working in the field of finance - budget in units under the People's Committee of Nam Can district. The results showed that the financial management capacity, the object of management, the system of legal documents, information and information technology, the organization of the local budget management apparatus all had a positive impact on the effectiveness of the budget management. Therefore, in order to improve the efficiency of budget management, local authorities need to focus on improving these factors.

Keywords: *Effective budget management; Exploratory Factor Analysis; Nam Can district*

1. Đặt vấn đề nghiên cứu

Trong những năm gần đây, việc quản lý thu – chi ngân sách trên địa bàn huyện Năm Căn được sự quan tâm giúp đỡ của các cấp chính quyền và quyết tâm của Đảng bộ, chính quyền địa phương nên đã có nhiều thành tựu. Tuy nhiên, trong nền kinh tế thị trường diễn biến phức tạp, và tình hình dịch bệnh xảy ra kéo dài cụ thể là dịch tả lợn châu phi, dịch bệnh trên tôm, cua ảnh hưởng đến việc chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và dịch bệnh covid-19 ảnh hưởng đến cả nền kinh tế. Trước tình hình đó việc thu ngân sách bị ảnh hưởng, việc giảm, miễn thuế và không thể kinh doanh trong giai đoạn vừa qua gây ảnh hưởng đến nguồn thu không đạt, nguồn chi phải liên tục cắt giảm, đặc biệt là chi đầu tư xây dựng cơ bản tại địa phương nhất là đầu tư xây dựng đường giao thông, vì giao thông tại địa phương hiện tại đang là vùng sâu, vùng xa, hệ thống đường lộ xe chỉ chiếm chưa tới 30%, ảnh hưởng rất lớn đến điều kiện sản xuất, kinh doanh tại địa phương.

Thêm vào đó, hằng năm, việc thu ngân sách luôn nhỏ hơn rất nhiều so với nguồn chi ngân sách, ngân sách luôn phải bổ sung dự toán về cho ngân sách cấp huyện gây ra việc ỷ lại vào ngân sách cấp trên. Ngoài ra, việc phối hợp trong công tác thu ngân sách chưa rõ ràng, năng lực quản lý tài chính của cán bộ lãnh đạo và trình độ chuyên môn của công chức chưa thể đáp ứng được yêu cầu của công việc.

Vì vậy, trong thời gian tới, chính quyền địa phương huyện Năm Căn cần phải hoàn thiện công tác quản lý thu

ngân sách hiệu quả, tạo nguồn tài chính ổn định để đảm bảo các nhiệm vụ chi, góp phần tăng cường việc phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương. Để hoàn thiện công tác quản lý ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện thì cần phải xác định được các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, các nghiên cứu trước đây về lĩnh vực này thì chưa có sự thống nhất về các nhân tố tác động, mà tùy vào điều kiện mỗi địa phương, các nhân tố tác động có thể khác nhau. Do đó, để hoàn thiện được công tác quản lý ngân sách nhà nước tại huyện Năm Căn cần phải thực hiện nghiên cứu để xác định các nhân tố thực sự ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý ngân sách nhà nước gắn với huyện Năm Căn.

2. Cơ sở lý thuyết

Nhiều nghiên cứu đã được thực hiện để xác định các nhân tố tác động đến quản lý ngân sách nhà nước, có thể kể đến như:

Nghiên cứu của Eckstein [1] đã sử dụng mô hình toán để nghiên cứu vấn đề tài chính công và quỹ tài chính. Theo Eckstein [1], “Trong quá trình sử dụng mô hình toán để nghiên cứu vấn đề tài chính công, một trong những điểm quan trọng đối với việc quản lý tài chính công chính là quản lý thu và chi ngân sách Chính phủ. Trốn thuế được xem như một trong những hiện tượng phải được kiểm soát đối với bất kỳ Chính phủ nào. Trốn thuế tỷ lệ thuận với sự lỏng lẻo trong quản lý tài chính công, nguyên nhân gốc rễ của nó là sự sơ hở của luật pháp. Việc chống thất thoát thuế phải bắt đầu bằng việc hoàn thiện luật pháp

về quản lý tài chính công”. Như vậy, tác giả đã đánh giá vai trò của hệ thống luật pháp trong quản lý thu ngân sách.

Nghiên cứu của Streeck và Mertens [2] về tài chính thắt chặt và đầu tư công. Theo Streeck và Mertens [2], “việc công khai minh bạch trong các quyết định đầu tư công của các cơ quan quản lý nhà nước là một yêu cầu bắt buộc đối với quản lý ngân sách của cấp Trung ương và địa phương. Sự hài lòng của người dân đối với các quyết định và tổ chức thực thi đầu tư công được cho là tiêu chí quan trọng để đánh giá hiệu quả đầu tư công cũng như hiệu quả quản lý tài chính quốc gia”. Như vậy, các tác giả đã đánh giá vai trò của sự minh bạch về cơ chế chính sách trong quản lý ngân sách Trung ương và địa phương.

Bouthong Xaypanyastth [3] đã nghiên cứu về quản lý thu ngân sách nhà nước ở Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào. Công trình nghiên cứu này đã hệ thống hóa, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý thu ngân sách nhà nước trong nền kinh tế thị trường như: khái niệm ngân sách nhà nước, khái niệm thu ngân sách nhà nước, đặc điểm, các yếu tố ảnh hưởng đến thu ngân sách nhà nước; khái niệm, đặc điểm, vai trò, mục tiêu và nội dung quản lý thu ngân sách nhà nước (trong đó nhấn mạnh đến hoạch định chính sách thu ngân sách nhà nước, quản lý quá trình tổ chức thu ngân sách nhà nước; mô hình tổ chức bộ máy quản lý thu ngân sách nhà nước. Bài viết đưa ra được một số kinh nghiệm quản lý thu ngân sách nhà nước của Việt Nam, Thái Lan, Singapore, Pháp, Anh và rút ra 7

bài học có thể vận dụng trong quản lý ngân sách nhà nước ở Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào. Trên cơ sở phân tích thực trạng quản lý thu ngân sách nhà nước ở Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào qua các thời kỳ, bài viết đánh giá những thành công, hạn chế, nguyên nhân của các hạn chế trong quản lý thu ngân sách nhà nước ở Lào. Bài viết đã đề xuất 5 định hướng và 4 nhóm giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện quản lý thu ngân sách nhà nước ở Lào trong thời gian tới. Tuy nhiên, bài viết chưa phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý thu ngân sách nhà nước, chưa đưa ra được các tiêu chí đánh giá hiệu quả của hoạt động quản lý thu ngân sách; chưa chỉ rõ các căn cứ đề xuất giải pháp, điều kiện thực hiện các giải pháp.

Bùi Đại Dũng [4] đã nghiên cứu về hiệu quả chi tiêu ngân sách dưới tác động của vấn đề nhóm lợi ích ở một số nước trên thế giới. Theo Bùi Đại Dũng [4], hệ thống pháp luật và việc ứng dụng công nghệ thông tin là các nhân tố quan trọng góp phần tạo nên hiệu quả quản lý ngân sách nhà nước.

Có thể khẳng định, hiện nay có nhiều nghiên cứu về hiệu quả quản lý ngân sách nhà nước ở cấp vĩ mô, có thể là trên phạm vi một tỉnh, thành phố. Các nghiên cứu đã đề cập đến nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý ngân sách nhà nước theo Bảng 1.

Bảng 1. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý ngân sách nhà nước

Các yếu tố	Nghiên cứu của Eckstein [1]	Nghiên cứu của Streeck và Mertens [2]	Nghiên cứu của Bouthong Xaypanyastth [3]	Nghiên cứu của Bùi Đại Dũng [4]
Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước quản lý ngân sách địa phương		X	X	
Hệ thống các văn bản pháp luật	X		X	X
Thông tin và công nghệ thông tin				X

(Nguồn: Tổng hợp của tác giả)

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Quy trình nghiên cứu

Công tác quản lý thu chi ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện Năm Căn được lựa chọn để kiểm định các giả thuyết nghiên cứu. Nghiên cứu được thực hiện thông qua 3 bước chính: Nghiên cứu lý thuyết thiết kế sơ bộ thang đo - nghiên cứu định tính, hoàn thiện bảng câu hỏi - nghiên cứu định lượng.

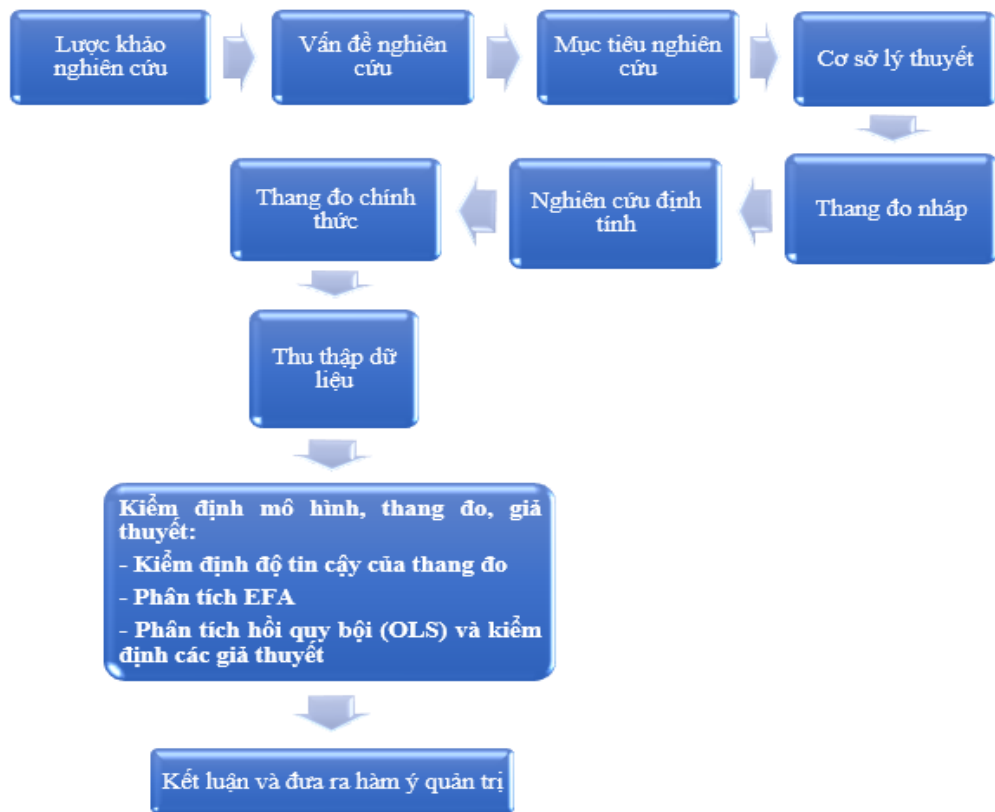
Nghiên cứu lý thuyết, thiết kế sơ bộ thang đo được tiến hành trước, bằng cách tham khảo các tài liệu lý thuyết, các nghiên cứu liên quan đến hiệu quả quản lý thu chi ngân sách nhà nước trên thế giới và trong nước. Qua nghiên cứu này sẽ xây dựng được mô hình nghiên cứu, các giả thuyết và thang đo sơ bộ dùng để thực hiện nghiên cứu định tính.

Nghiên cứu định tính được thực hiện nhằm làm rõ lý thuyết và hoàn thiện bảng hỏi để tiến hành nghiên cứu chính thức. Tại bước nghiên cứu định tính, thông qua thảo luận nhóm với các chuyên gia (bao gồm các giảng viên, nhà nghiên cứu có kinh nghiệm nghiên cứu về quản lý ngân sách nhà nước và

các nhà quản lý cấp phòng tại các đơn vị được phân cấp quản lý ngân sách nhà nước), chúng tôi đã bổ sung thêm 2 nhân tố trong mô hình là Năng lực quản lý tài chính của cán bộ-công chức và Đối tượng quản lý.

Nghiên cứu chính thức được thực hiện bằng phương pháp định lượng thông qua việc thu thập bảng khảo sát. Thời gian tiến hành lấy mẫu là từ tháng 04 năm 2022 đến tháng 06 năm 2022 tại các xã, thị trấn trong huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Số mẫu sau khi tiến hành khảo sát và tiến hành xử lý số liệu là 242 mẫu, từ đây nghiên cứu nhằm xác định các yếu tố, đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý thu chi ngân sách nhà nước tại huyện Năm Căn, bên cạnh đó tiến hành kiểm định các giả thuyết và kiểm định một số khuyết tật của mô hình.

Về đối tượng khảo sát: Tác giả lựa chọn đối tượng khảo sát ngẫu nhiên đang công tác tại các đơn vị thuộc ủy ban nhân dân xã, thị trấn thuộc huyện Năm Căn và các ngành liên quan đến tài chính trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn là cán bộ, công chức.



Hình 1. Quy trình nghiên cứu

(Nguồn: Tổng hợp của tác giả)

3.2. Giả thuyết và mô hình nghiên cứu

Trên cơ sở các nghiên cứu liên quan của Eckstein (1989), Streeck và Mertens (2011), Bouthong Xaypanyastth (2019), Bùi Đại Dũng (2007) và kết quả nghiên cứu định tính bằng phương pháp khảo sát chuyên gia, tác giả đề xuất các giả thuyết nghiên cứu như sau:

H1: Tổ chức bộ máy quản lý ngân sách nhà nước có tác động tích cực đến hiệu quả quản lý ngân sách nhà nước

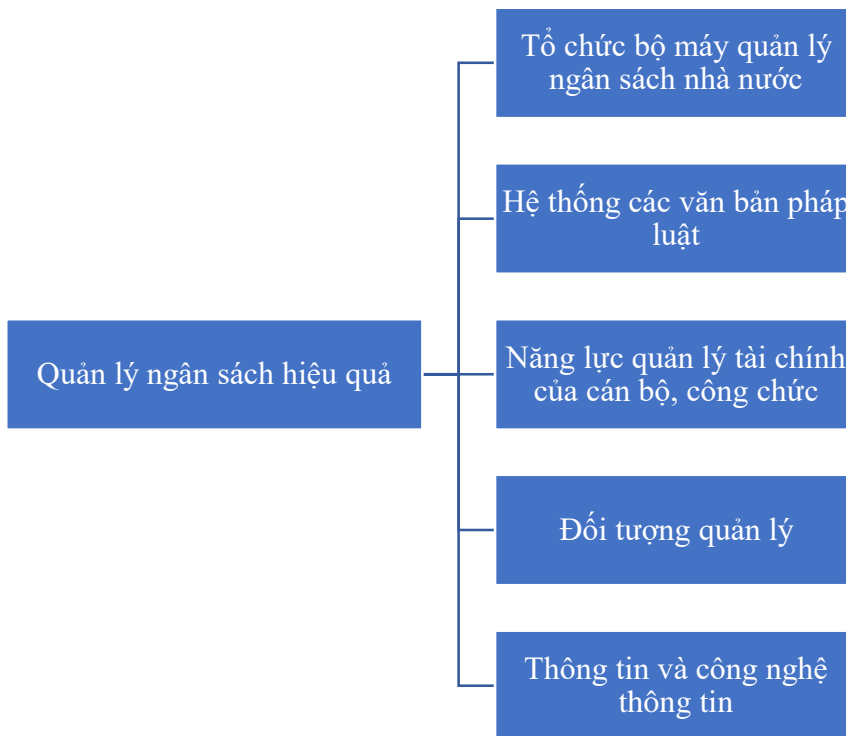
H2: Hệ thống các văn bản pháp luật có tác động tích cực đến hiệu quả quản lý ngân sách nhà nước

H3: Năng lực quản lý tài chính của cán bộ, công chức có tác động tích cực đến hiệu quả quản lý ngân sách nhà nước

H4: Đối tượng quản lý có tác động tích cực đến hiệu quả quản lý ngân sách nhà nước

H5: Thông tin và công nghệ thông tin có tác động tích cực đến hiệu quả quản lý ngân sách nhà nước

Mô hình nghiên cứu có dạng như sau:



Hình 2. Mô hình nghiên cứu đề xuất

(Nguồn: Tổng hợp của tác giả)

Mô hình nghiên cứu bao gồm 5 nhân tố tác động đến hiệu quả quản lý ngân sách hiệu quả là Tổ chức bộ máy quản lý ngân sách nhà nước, Hệ thống các văn bản pháp luật, Năng lực quản lý tài chính của cán bộ-công chức, Đối tượng quản lý, Thông tin và công nghệ thông tin.

Thang đo Hiệu quả quản lý ngân sách bao gồm 4 biến quan sát là QL1, QL2, QL3, QL4; Thang đo Hệ thống văn bản pháp luật bao gồm 3 biến quan sát HT1, HT2, HT3; Thang đo Thông tin và công nghệ thông tin bao gồm 3 biến quan sát TT1, TT2, TT3; Thang đo Tổ chức bộ máy quản lý ngân sách địa phương bao gồm 4 biến quan sát TC1, TC2, TC3, TC4 được kết thừa từ các nghiên cứu liên quan của Eckstein (1989), Streeck và Mertens (2011), Bouthong

Xaypanyastth (2019), Bùi Đại Dũng (2007). Thang đo Năng lực quản lý tài chính bao gồm 3 biến quan sát NL1, NL2, NL3; Thang đo Đối tượng quản lý bao gồm 3 biến quan sát DT1, DT2, DT3 được phát triển từ nghiên cứu định tính thông qua thảo luận nhóm với các chuyên gia.

Chúng tôi sử dụng thang đo Likert 5 mức độ để đo lường các biến quan sát trong từng thang đo. Trong đó, 1 tương ứng với hoàn toàn không đồng ý, 2 tương ứng với không đồng ý, 3 tương ứng với bình thường, 4 tương ứng với đồng ý, 5 tương ứng với hoàn toàn đồng ý.

3.3. Mẫu nghiên cứu và phương pháp thu thập

Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu phi xác suất với hình thức chọn

mẫu thuận tiện trên cơ sở phân tần chia đều cho các đơn vị. Bảng hỏi được gửi trực tiếp đến từng đối tượng khảo sát, trên bảng hỏi thể hiện cam kết chỉ sử dụng thông tin cho mục đích nghiên cứu của đề tài và bảo mật thông tin cho người trả lời.

Phương pháp điều tra chọn mẫu: Theo Hair và cộng sự [5], để sử dụng mẫu tối thiểu là 50. Hơn nữa, theo Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc [6], Nguyễn Đình Thọ [7] thì số mẫu phải thỏa mãn tiêu chí là lớn hơn $5 \cdot n$ (n là số biến). Trong luận văn này, nhằm mục đích nâng cao độ tin cậy của đề tài, tác giả tiến hành điều tra 242 đối tượng.

Để thu thập mẫu nghiên cứu, chúng tôi tiến hành phát bảng khảo sát bằng mã QR hoặc bằng bảng câu hỏi được gửi qua email của cán bộ lãnh đạo và công chức, cán bộ không chuyên trách cấp xã và cán bộ không chuyên trách ấp công tác thuộc lĩnh vực tài chính - ngân sách ở các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn.

3.4. Phương pháp xử lý dữ liệu

Sau khi thu thập và làm sạch dữ liệu, chúng tôi tiến hành các thống kê mô tả để đánh giá đặc điểm mẫu khảo sát theo

thâm niên công tác, trình độ học vấn của người tham gia khảo sát. Tiếp sau đó, các thang đo sẽ được chúng tôi đánh giá độ tin cậy thông qua hệ số Cronbach's Alpha. Thang đo đảm bảo độ tin cậy khi có hệ số này lớn hơn 0.6 và các hệ số tương quan biến – tổng tương ứng với từng biến quan sát phải lớn hơn 0.3. Phân tích nhân tố khám phá (EFA) được chúng tôi sử dụng ngay sau đánh giá độ tin cậy của thang đo, chúng tôi thực hiện các phân tích dựa trên hệ số KMO, kiểm định Bartlett, hệ số Eigenvalues để đánh giá sự phù hợp của phân tích EFA với dữ liệu nghiên cứu và thực hiện trích các nhân tố đại diện cho các biến quan sát. Tiếp sau phân tích EFA, chúng tôi thực hiện phân tích hồi quy bội theo phương pháp bình phương bé nhất (OLS) để đánh giá các nhân tố tác động đến hiệu quả quản lý ngân sách nhà nước và rút ra kết luận về các giả thuyết nghiên cứu.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Dữ liệu được thu thập từ cán bộ, công chức của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện Năm Căn. Để đạt được kích thước mẫu đề án, 250 phiếu khảo sát đã được gửi đi và đã thu về được 242 phiếu, kết quả thống kê như sau:

Bảng 2. Thống kê mô tả mẫu khảo sát

Yếu tố	Đặc điểm	Số lượng	Tỉ lệ %	Số phiếu
Thâm niên công tác	Dưới 1 năm	44	18,2	100%
	Từ 01 đến 05 năm	112	46,3	
	Từ 05 đến 10 năm	67	27,7	
	Trên 10 năm	19	7,9	
Trình độ học vấn	Trung cấp, cao đẳng	109	45,0	100%
	Đại học	130	53,7	
	Sau đại học	3	1,2	

(Nguồn: Kết quả thống kê)

Thâm niên công tác được chia làm 4 mức, trong đó số người làm việc dưới 01 năm là 44 người (chiếm tỷ lệ 18,2%), số người có thâm niên từ 01 năm đến 05 năm là 112 người (chiếm tỷ lệ 46,3), số người có thâm niên từ 05 năm đến 10 năm là 67 người (chiếm tỷ lệ 27,7%), số người có thâm niên trên 10 năm là 19 người (chiếm tỷ lệ 7,9%). Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ thâm niên làm việc trong ngành tài chính chủ yếu là những người có kinh nghiệm, phù hợp với thực tế của ngành. Trình độ học vấn được chia làm 3 mức, trong đó số người có trình độ trung cấp, cao đẳng là 109 người (chiếm tỷ lệ 45%), số người có

trình độ đại học là 130 người (chiếm tỷ lệ 53,7%), số người có trình độ trên đại học là 3 người (chiếm tỷ lệ 1,2%). Kết quả này cho thấy với 242 quan sát thì đa số nhân viên có trình độ đại học, tỷ lệ học vấn cao, phù hợp với tính chất chuyên môn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước nên được đào tạo cơ bản về chuyên môn nghiệp vụ.

Tiếp theo chúng tôi tiến hành kiểm định độ tin cậy của các thang đo trong mô hình bằng hệ số Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá (EFA) với các nhân tố độc lập. Kết quả được trình bày trong bảng bên dưới:

Bảng 3. Kết quả kiểm định độ tin cậy và phân tích nhân tố khám phá (EFA) với các nhân tố độc lập

	TC	DT	HT	TT	NL	Cronbach's Alpha
TC2	0,808					0,802
TC4	0,785					
TC1	0,769					
TC3	0,723					
DT3		0,838				0,793
DT2		0,813				
DT1		0,808				
HT2			0,834			0,795
HT3			0,831			
HT1			0,763			
TT3				0,819		0,839
TT2				0,794		
TT1				0,783		
NL2					0,834	0,713
NL3					0,806	
NL1					0,696	
Giá trị Eigenvalues	4,783	1,973	1,812	1,509	1,004	KMO = 0,803
Tổng phương sai trích	16,053	29,903	43,57	57,066	69,257	Kiểm định Bartlett Sig. = 0,000

Nguồn: Tính toán từ phần mềm SPSS 25.0

Kết quả kiểm định độ tin cậy cho thấy các thang đo trong mô hình đều có hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6. Bên cạnh đó, hệ số tương quan biến-tổng của các biến quan sát trong từng thang đo đều có giá trị lớn hơn 0,3. Do đó, các thang đo đều đảm bảo độ tin cậy để tiến hành phân tích nhân tố khám phá (EFA).

Hệ số KMO có giá trị là 0,803 lớn hơn 0,5 và nhỏ hơn 1, cho thấy phân tích nhân tố khám phá phù hợp với dữ liệu. Kiểm định Bartlett có giá trị sig là 0,000 nhỏ hơn mức ý nghĩa α bằng 1% do đó các biến quan sát có tương quan với nhân tố đại diện.

Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA trích ra được 5 nhân tố đại diện cho 16 biến quan sát trong các thang đo tại giá trị Eigenvalues là 1,004 lớn hơn 1. Bên cạnh đó, 5 nhân tố đại diện giải thích được 69,257% (lớn hơn 50%) mức độ biến động của 16 biến quan sát trong thang đo. Các nhân tố trích ra được như sau:

Nhân tố thứ 1: Bao gồm các biến quan sát là TC1, TC2, TC3, TC4. Đặt tên cho nhân tố này là TC, đại diện cho

tổ chức bộ máy quản lý ngân sách địa phương.

Nhân tố thứ 2: Bao gồm các biến quan sát là DT1, DT2, DT3. Đặt tên cho nhân tố này là DT, đại diện cho đối tượng quản lý.

Nhân tố thứ 3: Bao gồm các biến quan sát là HT1, HT2, HT3. Đặt tên cho nhân tố này là HT, đại diện cho hệ thống văn bản pháp luật.

Nhân tố thứ 4: Bao gồm các biến quan sát là TT1, TT2, TT3. Đặt tên cho nhân tố này là DT, đại diện cho thông tin và công nghệ thông tin.

Nhân tố thứ 5: Bao gồm các biến quan sát là NL1, NL2, NL3. Đặt tên cho nhân tố này là NL, đại diện cho năng lực quản lý tài chính.

Các nhân tố đại diện được tạo ra bằng cách lấy giá trị trung bình của các biến quan sát thành phần.

Kết quả kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá (EFA) với các nhân tố phụ thuộc được trình bày trong bảng sau:

Bảng 4. Kết quả kiểm định độ tin cậy và phân tích nhân tố khám phá (EFA) với các nhân tố độc lập

	DLHT	Cronbach's Alpha
QL3	0,881	0,865
QL1	0,873	
QL2	0,838	
QL4	0,784	
Giá trị Eigenvalues	2,855	KMO = 0,819
Tổng phương sai trích	71,387	Kiểm định Bartlett Sig. = 0.000

Nguồn: Tính toán từ phần mềm SPSS 20.0

Kết quả kiểm định độ tin cậy cho thấy thang đo quản lý ngân sách hiệu quả có hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6. Bên cạnh đó, hệ số tương quan biến-tổng của các biến quan sát trong từng thang đo đều có giá trị lớn hơn 0,3. Do đó, thang đo đảm bảo độ tin cậy để tiến hành phân tích nhân tố khám phá (EFA).

Hệ số KMO có giá trị là 0,819 lớn hơn 0,5 và nhỏ hơn 1, cho thấy phân tích nhân tố khám phá phù hợp với dữ liệu. Kiểm định Bartlett có giá trị sig là 0.000 nhỏ hơn mức ý nghĩa α bằng 1% do đó các biến quan sát có tương quan với nhân tố đại diện.

Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA trích ra được 1 nhân tố đại diện cho 4 biến quan sát trong các thang đo tại giá trị Eigenvalues là 2,855 lớn hơn 1. Bên cạnh đó, 1 nhân tố đại diện giải thích được 71,387% (lớn hơn 50%) mức độ biến động của 4 biến quan sát trong thang đo. Nhân tố trích ra được bao gồm các biến quan sát là QL1, QL2, QL3, QL4. Đặt tên cho nhân tố này là QL, đại diện cho quản lý ngân sách hiệu quả.

Để kiểm định các giả thuyết nghiên cứu nhằm xác định các nhân tố tác động đến hiệu quả quản lý ngân sách, chúng tôi thực hiện phân tích hồi quy bội. Kết quả được trình bày trong bảng bên dưới:

Bảng 5. Kết quả ước lượng mô hình

Các biến số	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	t	Sig.	Thông kê cộng tuyến	
	Hệ số	Sai số chuẩn				Tolerance	VIF
Hằng số	-0,640	0,279		-2,294	0,023		
NL	0,312	0,059	0,259	5,279	0,000	0,852	1,174
DT	0,264	0,059	0,220	4,468	0,000	0,844	1,184
HT	0,125	0,057	0,114	2,211	0,028	0,772	1,296
TT	0,332	0,059	0,326	5,649	0,000	0,616	1,624
TC	0,190	0,059	0,161	3,245	0,001	0,836	1,196
Durbin - Watson	1,847						
Kiểm định F	Sig.	0.000					

Nguồn: Tính toán từ phần mềm SPSS 20.0

Kiểm định F có giá trị Sig. là 0.000 nhỏ hơn mức ý nghĩa α là 1%. Như vậy, tồn tại ít nhất một hệ số hồi quy khác 0 và mô hình có ý nghĩa.

Bảng 5 cho thấy kiểm định đa cộng tuyến có hệ số VIF của các biến độc lập trong mô hình đều nhỏ hơn 5. Như vậy, mô hình không có hiện tượng đa cộng tuyến. Bên cạnh đó, bảng 5 cũng cho thấy hệ số Durbin – Watson có giá trị là 1,847, lớn hơn 1 nhỏ hơn 3 nên mô hình không có hiện tượng tự tương quan.

Bảng 5 cho thấy các hệ số hồi quy tương ứng với các biến NL, DT, HT, TT, TC đều có giá trị Sig nhỏ hơn mức ý nghĩa 5%, nên các hệ số hồi quy tương ứng với các biến NL, DT, HT, TT, TC đều ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 5%. Như vậy, năng lực quản lý tài chính, Đối tượng quản lý, Hệ thống văn bản pháp luật, Thông tin và công nghệ thông tin, Tổ chức bộ máy quản lý ngân sách địa phương đều có tác động đến hiệu quả quản lý ngân sách tại huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau và các giả thuyết H1, H2, H3, H4, H5 đều được hỗ trợ. Kết quả này cũng phù hợp với các nghiên cứu của Eckstein [1], Streeck và Mertens [2], Bouthong Xaypanyastth [3], Bùi Đại Dũng [4]. Bên cạnh đó, hệ số hồi quy tương ứng với các biến này đều có giá trị dương cho thấy năng lực quản lý tài chính, Đối tượng quản lý, Hệ thống văn bản pháp luật, Thông tin và công nghệ thông tin, Tổ chức bộ máy quản lý ngân sách địa phương đều có tác động tích cực đến hiệu quả quản lý ngân sách tại huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

5. Hàm ý chính sách

Kết quả nghiên cứu cho thấy năng lực quản lý tài chính, Đối tượng quản lý, Hệ thống văn bản pháp luật, Thông tin và

công nghệ thông tin, Tổ chức bộ máy quản lý ngân sách địa phương đều có tác động tích cực đến hiệu quả quản lý ngân sách tại huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Do đó, để nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách tại huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, chính quyền địa phương cần chú trọng cải thiện các nhân tố này. Cụ thể:

Đối tượng quản lý có tác động đến việc quản lý ngân sách hiệu quả tại địa phương. Trong nghiên cứu này đối tượng quản lý đang nhắm đến là đối tượng nộp thuế chưa chủ động kê khai và nộp thuế đúng quy định. Do đó, để nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách, chính quyền địa phương cần tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế, đáp ứng nhu cầu theo từng nhóm người nộp thuế, dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế, tạo điều kiện để người nộp thuế thực hiện thủ tục hành chính một cách nhanh nhất và đơn giản nhất.

Đối với nhân tố Tổ chức bộ máy ngân sách địa phương thì việc phân cấp cho chính quyền địa phương còn hạn chế và vì vậy phần nào đã làm giảm hiệu quả quản lý ngân sách để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ kinh tế chính trị của địa phương. Do đó, cần kiến nghị thành phố xây dựng chính sách đặc thù hoặc phân cấp mạnh hơn gắn với bối cảnh của từng địa phương nhằm giúp huyện quản lý hiệu quả hơn ngân sách để góp phần đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu.

Đối với nhân tố Hệ thống các văn bản pháp luật cần hướng đến việc thực hiện công khai ban hành các văn bản pháp luật có liên quan trong công tác lập dự toán ngân sách, định mức chi tiêu và công tác quyết toán hàng năm nhằm giúp tất cả các đối tượng có liên quan như là doanh nghiệp nộp thuế, đối tượng

sử dụng kinh phí ngân sách nắm bắt kịp thời thông tin một cách minh bạch, đầy đủ và công khai để đảm bảo tính tuân thủ một cách công bằng.

Đối với nhân tố Năng lực quản lý, đây là nhân tố quan trọng và nhạy cảm trong thực tiễn công tác đặc biệt là đối với công tác quản lý ngân sách hiệu quả. Chính vì vậy, cần có những giải pháp kịp thời và đồng bộ để nhằm nâng cao năng lực của cán bộ quản lý có liên quan đến ngân sách, đào tạo cán bộ, sắp xếp,

bổ trí đội ngũ cán bộ của các cơ quan nhà nước, các đơn vị thụ hưởng ngân sách có đủ trình độ triển khai hoàn thành nhiệm vụ, tiếp tục thực hiện công tác bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo theo quy định.

Đối với nhân tố thông tin và công nghệ thông tin, cần tăng cường thông tin về thủ tục hành chính, cơ chế, chính sách một cách kịp thời đến các đối tượng nộp ngân sách và các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách.

Tài liệu tham khảo

- [1] O. Eckstein, "Investment Criteria for Economic Development and the Theory of Intertemporal Welfare Economics," *The Quarterly Journal of Economics*, vol. 71, no. 1, pp. 56–85, 1957, Accessed: Jun. 24, 2022. [Online]. Available: <https://ideas.repec.org/a/oup/qjecon/v71y1957i1p56-85.html>
- [2] W. Streeck and D. Mertens, "Fiscal Austerity and Public Investment: Is the Possible the Enemy of the Necessary?" Rochester, NY, Jun. 25, 2011. Accessed: Jun. 24, 2022. [Online]. Available: <https://papers.ssrn.com/abstract=1894657>
- [3] Bouthong Xaypanyasth, "Về quản lý chi ngân sách nhà nước ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào," *Tạp chí Tài chính*, vol. 2, 2019, Accessed: Jun. 24, 2022. [Online]. Available: [https://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-quoc-te/ve-quan-ly-chi-ngan-sach-](https://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-quoc-te/ve-quan-ly-chi-ngan-sach-bu-tri-đội-ngũ-cán-bộ-của-các-cơ-quan-nhà-nước-các-đơn-vị-thụ-hưởng-ngân-sách-có-đủ-trình-độ-triển-khai-hoàn-thành-nhiệm-vụ-tiếp-tục-thực-hiện-công-tác-bổ-nhiệm-và-bổ-nhiệm-lại-cán-bộ-lãnh-đạo-theo-quy-định)
- [4] Bùi Đại Dũng, "Hiệu quả chi tiêu ngân sách dưới sự tác động của vấn đề nhóm lợi ích ở một số nước trên thế giới," Luận án tiến sĩ kinh tế, Viện kinh tế và chính trị thế giới, 2005.
- [5] J. Hair, W. Black, B. Babin, and R. Anderson, *Multivariate Data Analysis (7th ed.)*, 7th ed. Upper Saddle River, NJ: Prentice-Hall, Inc., 2010.
- [6] Hoàng Trọng and Chu Nguyễn Mộng Ngọc, *PHÂN TÍCH DỮ LIỆU NGHIÊN CỨU VỚI SPSS*. Hà Nội: Nhà xuất bản Hồng Đức, 2008.
- [7] Nguyễn Đình Thọ, *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, 2nd ed. Hồ Chí Minh, Việt Nam: Nhà xuất bản Lao Động - Xã Hội, 2014.

Ngày nhận bài: 25/9/2022

Ngày hoàn thành sửa bài: 22/12/2022

Ngày chấp nhận đăng: 28/12/2022